

Số: 277/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng
và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 26/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tiến hành kiểm toán và đã được công bố công khai theo quy định.

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban điều hành công ty
- (2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- (3) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2022
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2022

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán:

a) Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.468.703.991.541
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	160.935.572.480
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	769.159.726.027
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	398.487.338.579
IV	Hàng tồn kho	140	9.231.117.158
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	130.890.237.297
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	3.742.745.035.124
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	1.190.017.881.044

II	Tài sản cố định	220	312.458.386.331
III	Bất động sản đầu tư	230	181.715.831.746
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	72.081.142.558
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.950.794.808.465
VI	Tài sản dài hạn khác	260	35.676.984.980
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	5.211.449.026.665
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.397.074.921.345
I	Nợ ngắn hạn	310	521.277.388.288
II	Nợ dài hạn	330	1.875.797.533.057
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	2.814.374.105.320
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.814.374.105.320
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.162.949.610.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	68.090.483.605
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	583.334.011.715
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	5.211.449.026.665

b) Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	958.827.760.794
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	896.635.258.624
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	52.226.469.834
1.3	Thu nhập khác	9.966.033.136
2	Tổng chi phí	724.211.556.675
2.1	Giá vốn hàng bán	554.598.771.337
2.2	Chi phí tài chính	-41.936.794.500
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	202.313.199.927
2.5	Chi phí khác	9.236.380.711
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	234.616.204.119
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.815.760.470
5	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	80.743.831
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	188.719.699.818

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban điều hành công ty
- (2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- (3) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2022
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán:

a) Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.695.327.819.471
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	202.260.132.030
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	853.294.683.105
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	437.169.222.297
IV	Hàng tồn kho	140	20.171.819.319
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	182.431.962.720
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	3.701.038.443.170
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	391.944.050.761
II	Tài sản cố định	220	1.635.823.584.259
III	Bất động sản đầu tư	230	181.715.831.746
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	387.296.962.860
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.066.959.577.500
VI	Tài sản dài hạn khác	260	37.298.436.044
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		5.396.366.262.641
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.709.199.038.617
I	Nợ ngắn hạn	310	563.898.126.138
II	Nợ dài hạn	330	2.145.300.912.479
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	2.687.167.224.024
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.687.167.224.024
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.162.949.610.000
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(2.074.575.373)
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	18.136.477.566
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	70.597.161.895
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	284.092.567.445
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	153.465.982.491
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	5.396.366.262.641

b) Báo cáo kết quả kinh doanh:

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.177.259.151.143
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.112.481.083.695
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	54.563.064.820
1.3	Thu nhập khác	10.215.002.628
2	Tổng chi phí	989.532.769.519
2.1	Giá vốn hàng bán	736.358.551.246
2.2	Chi phí tài chính	17.188.743.040
2.3	Chi phí bán hàng	

2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	226.554.685.119
2.5	Chi phí khác	9.430.790.114
3	Lãi lỗ trong liên doanh, liên kết	53.276.362.510
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	241.002.744.134
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.142.845.980
6	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(11.740.486.935)
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	203.600.385.089
7.1	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	199.649.054.071
7.2	Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	3.951.331.018

3. Các vấn đề cần nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính năm 2022:

Số TT	Nội dung	Tại BCTC	
01	Công ty đã chuyển hình thức hoạt động sang Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2015. Tuy nhiên, việc quyết toán vốn Nhà nước cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 (thời điểm trước cổ phần hóa) chưa được thực hiện. Khi hoàn thành việc quyết toán vốn Nhà nước, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu cho các năm tài chính có liên quan	Báo cáo tài riêng và hợp nhất năm 2016	Công ty đã có nhiều văn bản gửi cho các cơ chức năng đề xin giải quyết nhưng cho đến nay vẫn chưa được thực hiện.
02	Công ty đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Công ty. Đến thời điểm hiện tại dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước vẫn đang tiếp tục triển khai thực hiện	Báo cáo tài riêng và hợp nhất năm 2020	
03	Công ty đã tạm tính các chi phí liên quan đến tiền thuê đất và thuế đất phải nộp theo Quyết định về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến việc thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rong - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty	Báo cáo tài riêng và hợp nhất năm	Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tiền thuê đất tại khu vực nêu trên và tính đến nay Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ cơ quan này.

	TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") - chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố	2021	
04	Công ty đã tạm nộp về tiền thuê đất và thuê đất theo thông báo của cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về cơ sở của việc phải nộp số tiền thuê đất bổ sung	Báo cáo tài riêng và hợp nhất năm 2019	Do cơ quan thuế sử dụng đơn giá thuê văn phòng để tính toán tiền thuê cho toàn bộ diện tích thuê, tuy nhiên phần lớn diện tích thuê được sử dụng làm cầu tàu và kho bãi với đơn giá thuê thấp hơn theo quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc xác định diện tích, đơn giá và mục đích sử dụng đối với diện tích đất đã thuê theo các thông báo nêu trên và tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này, cho đến nay vẫn chưa được giải quyết.
05	Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT) trong tương lai chủ yếu phụ thuộc vào việc Công ty có khả năng cải thiện tình hình tài chính, đàm phán ký kết Phụ lục điều chỉnh FASA, cũng như có thể hoãn việc thanh toán các khoản nợ với các bên cho vay.	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021	Công ty SSIT đang thực hiện tái cơ cấu vốn khoản vay, các chủ sở hữu đã thống nhất trả tất toán khoản nợ vay cho các chủ sở hữu và được cắt giảm 15% gốc vay.
06	Công ty đã tạm nộp về tiền thuê đất, mặt nước theo thông báo của Chi cục thuế Huyện Nhà Bè - Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về cơ sở của việc bù trừ tiền thuê đất nêu trên với các khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt	Báo cáo hợp nhất năm 2022	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đang làm việc với các cơ quan hữu quan để xin khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tái định cư của dự án CSG-HP vào tiền thuê đất hàng năm

	bằng tại Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đã chi trả.		
--	---	--	--

4. Về việc thực hiện việc điều chỉnh số liệu theo Kiểm toán nhà nước năm 2022

Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2022 có thay đổi so với số cuối kỳ tại báo cáo tài chính năm 2021, do căn cứ vào kết quả KTNN năm 2022, đã được Công ty trình bày, thuyết minh và công bố thông tin cho năm tài chính 2022.

Trên đây là nội dung tóm tắt Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được kiểm toán, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường